

Số: 98 /QĐ-XTĐT&HTDN

Tiền Giang, ngày 17 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022
của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giao quyền tự chủ tài chính và phân loại mức tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh;

Căn cứ Biên bản số 133/BB-XTĐT&HTDN ngày 10/10/2021 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang về việc họp thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 của Trung tâm;

Căn cứ Biên bản ngày 26/10/2022 của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc họp lấy ý kiến Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Công văn số 3097/SKH&ĐT-VP ngày 17/11/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xem xét, thống nhất Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang, áp dụng kể từ ngày 01/01/2022.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 01/QĐ-XTĐT&HTDN ngày 10/01/2022 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 của Trung tâm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho niên độ tài chính năm 2022.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH&ĐT;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, P.HC.

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Đức



QUY CHẾ

Chi tiêu nội bộ năm 2022

của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 /QĐ-XTĐT&HTDN ngày 17/11/2022
của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Những quy định chung

Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm và được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; được áp dụng tại Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang là đơn vị sự nghiệp do nhà nước đảm bảo một phần chi thường xuyên.

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hàng năm bao gồm các khoản chi thường xuyên và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang và toàn thể viên chức, người lao động Trung tâm.

Điều 2. Mục đích xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Thực hiện quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của Trung tâm trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho viên chức, người lao động của Trung tâm.

2. Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Giám đốc, giúp viên chức của trung tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Thúc đẩy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng biên chế và kinh phí của trung tâm; thực hiện chương trình hành động phòng chống tham nhũng tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

5. Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị đúng mục đích, có hiệu quả.

6. Tạo công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc, nội dung xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo trong hành lang pháp lý.
 - Quy chế chi tiêu nội bộ do Giám đốc ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị. Quy chế phải được thông qua tại cuộc họp lấy ý kiến thống nhất của toàn thể viên chức Trung tâm; có ý kiến thống nhất của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức Công đoàn cơ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi ban hành.
2. Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát thực hiện đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi theo Thông tư số 62/2020/TT-BTC.
3. Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong Trung tâm, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả, tăng cường công tác quản lý và phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị.
4. Giám đốc được quyết định mức chi quản lý và chi nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định (phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính hiện có của Trung tâm đối với các nguồn thu sự nghiệp khác phát sinh tại đơn vị).
5. Giám đốc căn cứ tính chất công việc, khối lượng công việc tình hình thực hiện của năm trước, quyết định phương thức khoán chi phí cho từng cá nhân, bộ phận như: Sử dụng văn phòng phẩm, khoán điện thoại (nếu có), khoán công tác phí nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí của Trung tâm.
6. Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị, cá nhân phải bảo đảm có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật, trừ các khoản thanh toán văn phòng phẩm (nếu có), chi phí thuê mướn vận chuyển, thanh toán công tác phí được Trung tâm thực hiện chế độ khoán theo Quy chế chi tiêu nội bộ.
7. Không được dùng kinh phí của Trung tâm để mua sắm thiết bị, đồ dùng, tài sản trang bị tại nhà riêng hoặc cho cá nhân mượn để sử dụng cho việc riêng dưới bất kỳ hình thức nào.
8. Trong trường hợp có sự thay đổi tiêu chuẩn, định mức chi theo chế độ từng khoản chi của Nhà nước thì Giám đốc có thể điều chỉnh trên cơ sở thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong đơn vị.
9. Toàn bộ nguồn thu, nội dung chi, Trung tâm thống nhất quản lý và hạch toán theo quy định của Luật Kế toán 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực 01/01/2017 và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 4. Căn cứ pháp lý để xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Nghị định số 204/2004/NĐ-CP Ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, và lực lượng vũ trang;

Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài Chính - Bộ Khoa học và Công Nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công Nghệ - Bộ Tài Chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01/3/2019 về việc đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2019 của Bộ Tài chính hướng

dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài Chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN; Công văn số 5609/KBNN-KSC ngày 07/10/2020 một số lưu ý trong kiểm soát chi thường xuyên từ NSNN; Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước (KBNN);

Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi về công tác phí, chi phí hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 19/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Công văn số 06/STC-QLGCS ngày 02/01/2018 của Sở Tài chính về góp ý phương án giá dịch vụ và thẩm quyền quyết định đối với các loại giá dịch vụ của Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang;

Quyết định số 04/QĐ-XTĐT&HTDN ngày 23/02/2021 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Biểu giá dịch vụ Lập hồ sơ đề xuất dự án đầu tư;

Quyết định số 05/QĐ-XTĐT&HTDN ngày 23/02/2021 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Biểu giá dịch vụ Đăng ký doanh nghiệp;

Quyết định số 06/QĐ-XTĐT&HTDN ngày 23/02/2021 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Biểu giá dịch vụ Lập hồ sơ dự án vay vốn Quỹ Phát triển khoa học công nghệ;

Quyết định số 07/QĐ-XTĐT&HTDN ngày 23/02/2021 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Biểu giá dịch vụ Lập hồ sơ dự thầu.

Điều 5. Nguồn tài chính của đơn vị

Nguồn tài chính của Trung tâm được thực hiện theo Điều 15, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trong đó:

- Nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp, thông qua tài khoản số 9523.2.1126337 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang.

- Nguồn tài chính từ các hoạt động dịch vụ, thông qua tài khoản số 7111.0000.8668.88 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Mỹ Tho và tài khoản số 688.999.999.688 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh tỉnh Tiền Giang.

- Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công.

- Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công.

- Thu từ cho thuê tài sản công: Đơn vị thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.

- Nguồn thu phí được để lại đơn vị sự nghiệp công để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

- Nguồn vốn vay của đơn vị; Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Chương II

QUY CHẾ CÁC KHOẢN CHI TỪ NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ

Điều 6. Nội dung chi

Chi sự nghiệp (Dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước) căn cứ Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các khoản chi để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ; phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ đầy đủ, định kỳ; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai được Nhà nước giao quản lý, sử dụng; nguồn tài chính tại đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và thu nhập tăng thêm

1. Cơ sở xác định quỹ tiền lương và thu nhập của viên chức, người lao động. Bao gồm các văn bản có liên quan:

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đối tượng chi trả tiền lương là viên chức trong biên chế và hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

- Nguồn cải cách tiền lương được giữ lại từ thu dịch vụ được bổ sung chi lương và tăng lương khi nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu.

- Tiền lương ngạch bậc, lương hợp đồng lao động theo chế độ và các khoản phụ cấp theo lương thực hiện theo chế độ hiện hành của Nhà nước. Kinh phí tiết kiệm hàng năm (bổ sung vào quỹ tiền lương) chia thu nhập tăng thêm.

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước: đơn vị không điều chỉnh tăng thêm mức lương tối thiểu chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu đơn vị, nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

(Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành, đơn vị sự nghiệp công áp dụng chế độ tiền lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc .

Thực hiện theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công được tính trên cơ sở hệ số lương, hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) do Nhà nước quy định của số lượng người làm việc trong đơn vị quy định tại Điều 9, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và mức tiền lương cơ sở do Chính phủ quy định; tiền lương của lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên).

2. Tiền lương chính

- Căn cứ vào các văn bản tiền lương của viên chức được chi trả theo hệ số lương quy định của Nhà nước, chi từ nguồn Ngân sách Nhà nước và nguồn cải cách tiền lương được trích 40% từ nguồn dịch vụ và chênh lệch thu chi của nguồn thu sự nghiệp để thực hiện điều chỉnh tăng lương theo quy định.

3. Các chế độ phụ cấp lương

3.1. Phụ cấp chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng: Hệ số phụ cấp chức vụ x mức lương tối thiểu.

3.2. Phụ cấp vượt khung: Hệ số lương x tỷ lệ % vượt khung x mức lương tối

thiếu.

3.3. Phụ cấp trách nhiệm phụ trách Kế toán, Thủ quỹ: Hệ số phụ cấp trách nhiệm x mức lương tối thiểu.

3.4. Phụ cấp làm thêm giờ:

- Viên chức, người lao động được thanh toán tiền làm thêm giờ nếu được Giám đốc phân công giải quyết công việc những ngày nghỉ, lễ, tết, làm thay viên chức nghỉ ốm, thai sản, ốm đau dài ngày.

a) Tiền lương làm thêm giờ thực hiện theo Khoản 1, Điều 55, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

b) Tiền lương làm việc vào ban đêm thực hiện theo Khoản 1, Điều 56, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Người sử dụng viên chức, người lao động được sử dụng viên chức, người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây:

+ Phải được sự đồng ý của viên chức, người lao động;

+ Bảo đảm số giờ làm thêm của viên chức, người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng;

+ Bảo đảm số giờ làm thêm của viên chức, người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 107, Bộ Luật Lao động năm 2019.

4. Xác định quỹ tiền lương

- Quỹ tiền lương = Lương tối thiểu chung x (1+ hệ số điều chỉnh tăng thêm mức lương tối thiểu) x hệ số lương bình quân và hệ số phụ cấp bình quân x số biên chế và HDLD từ 01 năm trở lên x 12 tháng.

Điều 8. Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

1. Trích nộp kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành.

2. Viên chức, người lao động được hỗ trợ phí Bảo hiểm thân thể (nếu có từ thặng dư chi phúc lợi tập thể).

Điều 9. Chế độ nghỉ hàng năm

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 và Điều 113, Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019.

Điều 10. Quy định chi hoạt động chuyên môn

1. Chi mua hàng hóa vật tư, tài sản chuyên môn

- Thủ tục và trình tự mua sắm phải được thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Các phòng làm giấy đề xuất mua sắm, Trưởng, phó phòng tổng hợp hàng hóa, vật tư, tài sản cần mua sắm. Giám đốc duyệt mua dựa trên kinh phí hiện có tại đơn vị Giám đốc duyệt những hàng hóa, vật tư, tài sản dùng cần thiết mua.

- Về mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên đơn vị thực hiện theo Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu; Thông tư số 08/2022/TT-BKH&ĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Theo đề xuất của từng phòng chuyên môn, phê duyệt của Giám đốc.

1.1. Chi mua hàng hóa, vật tư, tài sản phục vụ công tác chuyên môn: Máy móc, thiết bị,...

- Căn cứ tổng kinh phí ngân sách cấp đầu năm, kế toán báo cáo số tiền được cấp dùng để chi mua hàng hóa, vật tư, tài sản, từ đó viên chức quản lý tiến hành dự trù mua sắm bổ sung các loại hàng hóa, vật tư, tài sản phục vụ công tác chuyên môn theo yêu cầu của Trung tâm trên phần kinh phí được sử dụng.

1.2. Chi tiền in ấn tài liệu tham khảo: Biên lai thu tiền, các chứng từ kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC (Chi theo nhu cầu thực tế phát sinh).

2. Thu - chi cho hoạt động dịch vụ; hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; hoạt động liên kết đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng,...

2.1. Mức thu dịch vụ theo Quyết định ban hành biểu giá của Trung tâm (giá thỏa thuận, theo cơ chế thị trường).

2.2. Phân bổ nguồn thu hoạt động dịch vụ; hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; hoạt động liên kết đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng,...

a) Chi lương, phụ cấp tập thể viên chức, người lao động.

b) Chi hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; hoạt động liên kết đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng,...

- Chi tuyên truyền, đăng báo, quảng bá các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng: Chi theo thực tế phát sinh.

- Chi thuê mướn địa điểm và các chi phí khác liên quan đến đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng: Chi theo thực tế phát sinh.

- Chi tiền quản lý lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng: Chi theo Quyết định thành lập Ban quản lý lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng (Ban Giám đốc, Kế toán, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, chuyên viên phụ trách) thực hiện theo Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề. Chứng từ thanh toán: Quyết định thành lập Ban quản lý lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; phân công công việc cụ thể từng thành viên thực hiện nhiệm vụ, thanh toán bằng chuyển khoản và Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 19/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh hướng dẫn.

- Các khoản chi khác từ đề xuất của các phòng nghiệp vụ, phòng Hành chính phải được sự đồng ý của Giám đốc duyệt mới chi.

c) Phần còn lại được xác định là thặng dư từ nguồn thu hoạt động dịch vụ; hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; hoạt động liên kết đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng,...: Để thực hiện chi khen thưởng, phúc lợi tập thể và bổ sung thu nhập theo quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

d) Trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

2.3. Chi nghiệp vụ khác: Thanh toán tại thời điểm phát sinh.

- Chi bồi dưỡng cho người giới thiệu khách đến trung tâm làm dịch vụ đăng ký kinh doanh: 50.000 đồng/hồ sơ (Tổng hợp danh sách, số lượng hồ sơ của từng người giới thiệu hồ sơ, CCCD của người giới thiệu và thanh toán hàng tháng, tổng thu nhập trong tháng trừ thuế TNCN).

- Chi bồi dưỡng cho người giới thiệu khách đến trung tâm làm dịch vụ viết dự án đầu tư: 300.000 đồng/hồ sơ (Tổng hợp danh sách, số lượng hồ sơ của từng người giới thiệu hồ sơ, CCCD của người giới thiệu và thanh toán hàng tháng, tổng thu nhập trong tháng trừ thuế TNCN).

- Chi thuê chuyên gia, người có kinh nghiệm chỉnh sửa hồ sơ trước khi trình cơ quan quản lý cấp trên thẩm định: 2.000.000 đồng/hồ sơ (Tổng hợp danh sách, số lượng hồ sơ của từng chuyên gia, người có kinh nghiệm chỉnh sửa hồ sơ, CCCD của chuyên gia, người có kinh nghiệm chỉnh sửa hồ sơ và thanh toán hàng tháng, tổng thu nhập trong tháng trừ thuế TNCN).

- Chi thuê xe đi khảo sát: Thanh toán theo thực tế.

- Chi tiền photo tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho dịch vụ lập hồ sơ dự án đầu tư xin chủ trương đầu tư; dịch vụ hỗ trợ vay vốn,...: Thanh toán thực tế theo hồ sơ dự án.

- Tiền nước uống (chai) khi khách đến làm hồ sơ: Thanh toán theo thực tế.

(Ngoài các khoản chi nêu trên, trong thực tế hoạt động phát sinh các khoản chi khác; định mức chi được lấy ý kiến tập thể các phòng thuộc Trung tâm; tham mưu, đề xuất cho Giám đốc quyết định mức chi cụ thể).

3. Nguồn thu dịch vụ, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng được thu theo hàng tuần.

4. Phân công thực hiện: Thủ quỹ trực tiếp thu tiền dịch vụ, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; tổng hợp sau đó chuyển kế toán ra phiếu thu, gửi vào tài khoản tiền gửi và hạch toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

5. Tất cả các nội dung công việc đề xuất và thanh toán quyết thực hiện các nội dung công việc mà phòng nghiệp vụ, đào tạo lập chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, nội dung và số liệu.

Điều 11. Quy định chi thanh toán dịch vụ công cộng, vệ sinh môi trường

1. Nội dung chi

- Bao gồm các khoản chi thanh toán tiền điện, tiền nước, tiền nhiên liệu, tiền vệ sinh môi trường cho các cơ quan làm dịch vụ công cộng có liên quan; thanh toán cho công ty vệ sinh môi trường (như dọn vệ sinh công rãnh, rác, phân, vệ sinh cơ quan, phun phòng chống dịch, muỗi đốt,...)

- Nguyên tắc chi được thực hiện theo các quy định hiện hành, triệt để tiết kiệm trong sử dụng. Thực hiện tiết kiệm điện theo Thông tư liên tịch số 111/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 01/6/2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Yêu cầu các bộ phận tiết kiệm hợp lý để giảm bớt chi phí; kiểm tra, tắt đèn, quạt các thiết bị điện, nước khi ra khỏi phòng làm việc.

2. Mức thanh toán: Theo giấy báo tiền điện, nước, hợp đồng vệ sinh môi trường với các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ.

3. Quy trình thanh toán và hạch toán: Căn cứ hóa đơn, giấy báo, giấy đề nghị thanh toán, kế toán sẽ thanh toán từ nguồn thu ngân sách cấp hoặc nguồn thu dịch vụ giáo dục, thu khác. Nếu lấy từ nguồn thu dịch vụ kế toán sẽ phân bổ cho chi phí trực tiếp và chi phí quản lý theo nguyên tắc hạch toán Tài khoản 154 và Tài khoản 642 được quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

Điều 12. Quy định chi văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, dụng cụ văn phòng

Ký hợp đồng nguyên tắc bán hàng với nhà cung cấp (nhà thầu)

Trường hợp trong 01 năm từ 50 triệu đồng trở lên nhà cung cấp phải có tên trên trang muasamcong.mpi.gov.vn

1. Nội dung chi: Bao gồm các khoản chi mua văn phòng phẩm, sổ sách, công cụ, dụng cụ và vật rẻ tiền mau hỏng hoặc khoản chi văn phòng phẩm nhằm phục vụ yêu cầu công tác của đơn vị.

2. Quy định mức chi văn phòng phẩm: Chi theo thực tế phát sinh.

- Hàng tháng, từng phòng đề xuất mua sắm văn phòng phẩm, vật tư phục vụ công việc chuyên môn hàng ngày.

- Các khoản chi văn phòng phẩm chi theo thực tế phát sinh bao gồm:

+ Văn phòng phẩm bao gồm sổ sách, công cụ, dụng cụ và vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho hoạt động của văn phòng như: giấy, viết, hộp đựng hồ sơ, mực sặc máy in, ống drum, ổ điện, cài window,...

+ Tiền thuê máy photocopy hoặc tiền mực máy photocopy (nếu có).

+ Thanh toán tiền mực và giấy in để in công văn đến tại văn thư theo chỉ đạo của Ban Giám đốc Trung tâm (nếu có).

+ Thanh toán tiền thay hộp mực máy in đối với các máy in trang bị cho công chức, viên chức làm việc tại đơn vị.

+ Thanh toán tiền mua công cụ làm việc, dụng cụ vệ sinh phục vụ cho đơn vị.

+ Các khoản chi khác do Giám đốc Trung tâm quyết định.

3. Quy định mức chi vật tư văn phòng, vật rẻ tiền mau hỏng khác: Theo tình hình thực tế của các phòng chuyên môn (có sự phê duyệt của Giám đốc).

4. Chứng từ và quy trình thanh toán: Thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

- Các loại in ấn phẩm, vật tư khác khi mua về không nhập kho phải làm biên bản nghiệm thu hoặc phiếu giao nhận đưa thẳng vào sử dụng được quy định tại mẫu C34-HD.

- Các bộ phận chuyên môn, văn phòng khi dự trù mua mới đối với các loại công cụ, dụng cụ phải kèm giấy báo hỏng, báo mất dụng cụ lâu bền theo mẫu C22-HD, khi xuất phải theo nguyên tắc đổi cũ lấy mới.

- Các loại in ấn phẩm, vật tư khác khi mua về phải có biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng để đảm bảo sức khỏe, an toàn cho giáo viên và học sinh theo mẫu C25-HD.

Điều 13. Quy định chi thanh toán tiền điện, thông tin, tuyên truyền, liên lạc

1. Nội dung chi

- Bao gồm các khoản chi thanh toán tiền điện, cước phí bưu chính, điện thoại, các khoản chi liên quan đến công tác thông tin, tuyên truyền, mua báo, tạp chí, sách nghiên cứu, lưu trữ, hoạt động truyền thông của các ngành,... theo Thông tư liên tịch số 111/2009/TTLT-BTC-BCT ngày 01/6/2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nguyên tắc chi

- Điện thoại cố định, dịch vụ Internet chỉ sử dụng vào việc công theo quy định của Ban Giám đốc.

- Chi truyền thông, quảng cáo,... do Giám đốc quyết định trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

3. Thanh toán tiền điện, cước phí điện thoại cố định, bưu chính, cước phí Internet, tạp chí, sách tham khảo, lưu trữ,...: Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

4. Quy trình thanh toán và hạch toán: Căn cứ vào giấy đề xuất của bộ phận, giấy đề nghị thanh toán, kế toán sẽ thanh toán từ nguồn thu ngân sách cấp hoặc nguồn thu dịch vụ, thu khác.

Ngoài ra, các trường hợp đặc biệt khác được thanh toán khi có chỉ đạo của Giám đốc.

Điều 14. Quy định chi thanh toán Công tác phí

1. Khoản công tác phí trong tỉnh

- Chi cho viên chức, người lao động đi tham quan, học tập, tập huấn, được cơ quan có thẩm quyền cử đi công tác trong nước: Chế độ thanh toán theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc Ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang:

- Các cá nhân sẽ tự thanh toán tiền công tác phí khi đi công tác trong tỉnh với mức khoán cụ thể như sau: Tiền công tác phí được khoán cho từng cá nhân với mức là 500.000 đồng/người/tháng.

2. Đi công tác ngoài tỉnh

a) Thanh toán phụ cấp lưu trú:

- Công tác trong ngày (đi - về trong ngày) thanh toán mức 100.000 đồng/ngày, thanh toán bằng Giấy đi đường.

- Công tác qua đêm thanh toán mức 150.000 đồng/ngày, thanh toán bằng Giấy đi đường.

b) Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ của viên chức, người lao động đi công tác ngoài tỉnh phải đúng số lượng và thời gian do Ban Giám đốc Sở, Ban Giám đốc Trung tâm phân công trên Văn phòng điện tử hoặc có phê duyệt, ký tên trên công văn, thư mời cử viên chức, người lao động đó đi công tác. Mức chi cụ thể như sau:

- Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh được thanh toán 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người phòng. Nếu đi công tác một mình hoặc có nam nữ phải tách riêng thì được thanh toán 350.000 đồng/ngày/người. Trường hợp nơi đến công tác vượt mức chi nêu trên, Ban Giám đốc Trung tâm xem xét, giải quyết từng trường hợp cụ thể.

- Đi công tác tại các vùng và các tỉnh còn lại mức chi 500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người phòng. Nếu đi công tác một mình hoặc có nam nữ phải tách riêng thì được thanh toán 250.000 đồng/ngày/người. Trường hợp nơi đến công tác vượt mức chi nêu trên, Ban Giám đốc Trung tâm xem xét, giải quyết từng trường hợp cụ thể.

- Trường hợp đi công tác, dự hội nghị, tập huấn nếu được đơn vị tổ chức đãi thọ thì không được thanh toán phụ cấp lưu trú và tiền thuê phòng nghỉ. Trung tâm

sẽ chi tiền phụ cấp lưu trú cho những ngày đi và về nếu người đi công tác không được đài thọ cho những ngày này (căn cứ trên thư mời của đơn vị tổ chức).

c) Tiền vé máy bay, tàu xe quyết toán theo qui định hiện hành và phải được Ban Giám đốc phê duyệt.

3. Thuê xe

a) Thuê xe ô tô đi công tác

- Viên chức, người lao động được thuê xe ô tô đi công tác ngoài tỉnh và các huyện trong tỉnh; thuê xe ô tô đi khảo sát để thực hiện dịch vụ lập hồ sơ dự án xin chủ trương đầu tư (phải từ 02 người trở lên).

- Chứng từ thanh toán:

+ Giấy mời họp, công văn làm việc phải được phê duyệt và ký duyệt của Ban Giám đốc Sở, Ban giám đốc Trung tâm (trường hợp đi công tác không có giấy mời thì phải ghi tóm tắt nội dung làm việc trong chứng từ thanh toán; đảm bảo nội dung và đối tượng làm việc phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm); Giấy đi đường phải ký tên, đóng dấu đúng nơi đến làm việc; Hóa đơn tài chính và các chứng từ khác có liên quan.

+ Thuê xe đi khảo sát phải có kế hoạch chung cho một hồ sơ dự án đầu tư, giấy đề xuất đi khảo sát từng chuyến phải có ký duyệt của Giám đốc Trung tâm, giấy đề nghị thanh toán, hồ sơ thanh toán theo quy định.

b) Ngoài ra, các trường hợp đặc biệt khác được thanh toán khi có chỉ đạo của Giám đốc Trung tâm.

4. Chứng từ thanh toán công tác phí: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 10, Thông tư số 40/2017/TT-BTC và mẫu quy định theo Điều 16, Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015, cụ thể như sau:

- Giấy đi đường của người đi công tác có đóng dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đến công tác (hoặc của khách sạn, nhà khách nơi lưu trú) theo mẫu C16-HD.

- Văn bản hoặc kế hoạch công tác đã được Ban Giám đốc Sở, Ban giám đốc Trung tâm phê duyệt; công văn; giấy mời; văn bản trung tập tham gia đoàn công tác.

- Hóa đơn; chứng từ mua vé hợp pháp khi đi công tác bằng các phương tiện giao thông hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện. Riêng chứng từ thanh toán vé máy bay ngoài cước vé (hoặc vé điện tử) phải kèm theo thẻ lên máy bay. Trường hợp mất thẻ lên máy bay thì phải có xác nhận của cơ quan, đơn vị cử đi công tác (áp dụng khi thanh toán chi phí đi lại theo thực tế).

- Bảng kê độ dài quãng đường đi công tác trình Ban Giám đốc duyệt thanh toán (áp dụng khi thanh toán khoán chi phí đi lại).

- Hóa đơn, chứng từ thuê phòng nghỉ hợp pháp theo quy định của pháp luật (áp dụng khi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hóa đơn thực tế).

5. Nguồn kinh phí để chi công tác phí, chi dự hội nghị, tập huấn trong nước:

- Ngân sách nhà nước.
- Thu từ hoạt động dịch vụ của đơn vị.
- Nguồn kinh phí khác.

Điều 15. Quy định chi thuê mướn

1. Giám đốc Trung tâm tự quyết định các khoản chi thuê mướn, thuê chuyên gia hỗ trợ viết dự án, thuê thực hiện bản đồ, thuê khoán chuyên môn thuê ngoài, thuê giảng viên, thuê tổ chức lớp đào tạo, tập huấn, thuê thực hiện các công việc khác trong trường hợp Trung tâm không đủ nhân lực triển khai dự án hoặc nội dung của công việc ngoài phạm vi chuyên môn của nhân lực Trung tâm.

2. Giá cả các khoản thuê mướn công việc ở từng lĩnh vực, chuyên môn theo yêu cầu các phòng thì cá nhân phụ trách chịu trách nhiệm thỏa thuận với bên nhận thuê mướn và xin ý kiến phê duyệt của Giám đốc Trung tâm.

3. Chứng từ thanh toán

- Thuê mướn đối với tổ chức bên ngoài: Cá nhân phụ trách lập Kế hoạch đề xuất thuê mướn; Hợp đồng kinh tế về việc thuê mướn; Thanh lý hợp đồng; Biên bản nghiệm thu; Hóa đơn tài chính hoặc chứng từ nộp thuế có liên quan (hình thức chuyển khoản).

- Thuê mướn đối với cá nhân: Cá nhân phụ trách lập Kế hoạch đề xuất thuê mướn, Hợp đồng khoán việc, nghiệm thu hợp đồng khoán việc, thanh lý hợp đồng khoán việc, bảng thanh toán tiền thuê ngoài, tính nộp thuế TNCN đối với trường hợp thuê cá nhân từ 2 triệu đồng trở lên.

Điều 16. Quy định chi sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng

1. Nội dung chi

- Bao gồm các khoản chi như mua nguyên vật liệu, nhiên liệu; mua thiết bị phụ tùng thay thế; thuê nhân công và thuê phương tiện, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên (kể cả các khoản thanh toán cho các hợp đồng thuê ngoài); bao gồm chi phí bằng tiền để sửa chữa thường xuyên điện, nước, máy in, máy vi tính văn phòng.

2. Nguyên tắc chi

- Được quy định tại Khoản 1, Điều 29, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 24/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công: chi phí sửa chữa không lớn hơn 30% nguyên giá tài sản công.

- Thủ tục và trình tự sửa chữa thường xuyên phải được thực hiện đúng quy định Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Tài sản công gồm máy

móc, dụng cụ, thiết bị,... hỏng ở bộ phận nào thì bộ phận đó làm giấy đề xuất xin ý kiến Giám đốc để khảo sát sửa chữa, báo giá. Giám đốc xem xét cân đối kinh phí, duyệt chi thì mới tiến hành sửa chữa. Cụ thể:

+ Khi tiến hành sửa chữa thay mới phải thực hiện đúng theo quy trình: Báo hỏng, lấy báo giá, phòng chuyên môn tham mưu với Ban Giám đốc để quyết định sửa chữa, tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán.

+ Đối với sửa chữa thuộc lĩnh vực xây dựng cơ bản thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

+ Việc sửa chữa thường xuyên tài sản cố định phải tổ chức thu hồi vật tư cũ.

+ Chi sửa chữa lớn tài sản cố định thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước và phải có trong danh mục được sửa chữa lớn hàng năm, trừ trường hợp cấp bách theo yêu cầu chuyên môn.

- Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, đơn vị quy định cụ thể việc mua sắm, bảo dưỡng thường xuyên tài sản, thanh lý tài sản của đơn vị như sau:

+ Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công.

+ Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

+ Lưu ý: Thẩm quyền ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

a) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

b) Đối với tài sản công chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào hướng dẫn của nhà sản xuất và thực tế sử dụng tài sản, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định hoặc phân cấp thẩm quyền quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế-kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công tại các cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

+ Việc lập dự toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công căn cứ Điều 4, Thông tư số 65/2021/TT-BTC.

3. Trong năm, đơn vị có phát sinh nhu cầu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công ngoài dự toán được giao, đơn vị tự sắp xếp trong phạm vi dự toán được giao và đảm bảo hồ sơ tài liệu theo quy định.

4. Trường hợp do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng làm hư hỏng tài sản công mà đơn vị quản lý tài sản công không tự cân đối

được chi phí sửa chữa từ dự toán đã được giao; căn cứ báo cáo đánh giá mức độ thiệt hại của tài sản công, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công lập dự toán kinh phí sửa chữa, khôi phục hoạt động bình thường của tài sản công gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí sửa chữa khắc phục thiệt hại, khôi phục hoạt động bình thường của tài sản công phù hợp với mức độ thiệt hại, theo khả năng cân đối ngân sách nhà nước và phù hợp với phân cấp ngân sách nhà nước.

Điều 17. Quy định chi tiếp khách, chi khác

1. Chi tiếp khách, chi nước uống

- Ban Giám đốc Trung tâm phân công các phòng, viên chức Trung tâm tiếp các đoàn khách Trung ương, khách trong và ngoài tỉnh có quan hệ công tác hoặc đến liên hệ thực hiện hồ sơ dịch vụ theo định mức quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài Chính và Nghị Quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Việc chi tiếp khách do Giám đốc Trung tâm quyết định. Các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm khi có nhiệm vụ tiếp khách thì phải có đề xuất được duyệt thông qua Giấy đề xuất.

- Phòng Hành chính có trách nhiệm kiểm tra và đề xuất việc chi tiếp khách, chi nước uống của Trung tâm và các phòng chuyên môn cho phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình kinh phí của Trung tâm.

2. Nguồn chi trả: Chi từ nguồn thu của Trung tâm.

3. Các khoản chi khác tùy theo nội dung công việc mà Giám đốc Trung tâm quyết định trong phạm vi nguồn tài chính của đơn vị nhưng phải đảm bảo đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định hiện hành.

Điều 18. Quy định chi tổ chức hội nghị, hội thảo

1. Nội dung chi: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 3, Nghị Quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang:

- Chi thuê hội trường; thuê máy chiếu, trang thiết bị, phòng họp trực tiếp phục vụ hội nghị.

- Chi tiền văn phòng phẩm phục vụ hội nghị, photo tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị.

- Chi thù lao và các khoản công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên đối với hội nghị tập huấn nghiệp vụ, các lớp phổ biến, quán triệt triển khai cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; chi bồi dưỡng người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị.

- Tiền thuê phương tiện đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu.

- Chi giải khát giữa giờ.
- Chi hỗ trợ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền phương tiện đi lại.
- Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị được chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp.
- Các khoản chi khác: Chi làm thêm giờ, mua thuốc chữa bệnh thông thường, trang trí hội trường và các khoản chi liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức hội nghị.
- Đối với khoản chi khen thưởng thi đua trong cuộc họp tổng kết hàng năm, chi cho công tác tuyên truyền không được tính trong kinh phí tổ chức hội nghị, mà phải tính vào khoản chi khen thưởng, chi tuyên truyền của đơn vị.
- Tổ chức Hội nghị chuyên đề chuyên môn của ngành do đơn vị đăng cai tổ chức theo kế hoạch được duyệt.

2. Mức chi

- Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/ đại biểu.
- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu tham dự hội nghị, hội thảo: Mức chi theo quy định tại Nghị Quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên, người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị; Mức chi quy định tại Nghị Quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang.

3. Hóa đơn, chứng từ thanh toán chi tổ chức hội nghị, hội thảo

- Văn bản, kế hoạch tổ chức hội nghị được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.
- Hóa đơn, chứng từ hợp pháp và bảng kê thanh toán đối với các khoản chi bằng tiền cho người tham dự hội nghị theo quy định tại điều 16 của Luật Kế toán năm 2015.

- Chi khoản chi khác theo thực tế phát sinh.

- Hợp đồng, nghiệm thu và thanh lý, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và hợp lệ.

Điều 19. Quy định chi mua sắm Tài sản cố định

1. Thủ tục và trình tự mua sắm phải được thực hiện đúng quy định Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định việc phân cấp quản lý,

sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang: Các phòng chuyên môn làm Giấy đề xuất mua sắm, Giám đốc duyệt mua dựa trên kinh phí hiện có tại đơn vị.

2. Về nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức, phương thức mua sắm tài sản nhà nước:

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2676/BTC-QLCS ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mua sắm tài sản từ nguồn NSNN và nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực tài chính trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.

- Mua sắm trang thiết bị phải có trong kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt hàng năm. Nếu do yêu cầu cấp thiết phục vụ công việc cho Trung tâm buộc phải mua sắm ngoài danh mục được duyệt, thì giá trị thiết bị mua sắm không được vượt quá 20.000.000 đồng. Các trường hợp phát sinh mua sắm tài sản có giá trị lớn hơn 20.000.000 đồng phải lập danh sách bổ sung đề nghị cấp thẩm quyền phê duyệt mới được thực hiện.

- Về việc phân bổ kinh phí, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mua sắm tài sản nhà nước: Thực hiện theo hướng dẫn tại của Bộ Tài chính.

- Theo yêu cầu của từng bộ phận sau được sự đồng ý xét duyệt của Giám đốc.

- Thủ tục mua sắm, thanh toán phải thực hiện đúng theo quy định hiện hành, duyệt giá, nghiệm thu của Nhà nước.

Điều 20. Quy định chi thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Về nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức, hồ sơ chứng từ quyết toán lưu giữ tại tổ chức chủ trì. Căn cứ:

- Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Hợp đồng số 1217/HĐ-SKH&CN ngày 09/9/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh năm 2022.

- Chứng từ quyết toán của nhiệm vụ thực hiện theo Khoản 3 Điều 15 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015.

- Định mức chi thực hiện thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh duyệt.

Chương III

QUY CHẾ TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ ĐƠN VỊ

Điều 21. Mục đích, yêu cầu trích lập các Quỹ đơn vị

1. Mục đích trích lập các Quỹ

- Góp phần ổn định và tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ viên chức, người lao động.

- Tạo động lực làm việc hiệu quả cho viên chức, người lao động.

- Duy trì và phát triển các mặt hoạt động phong trào đoàn thể của đơn vị.

2. Yêu cầu

- Phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc Trung tâm và hoạt động của các đoàn thể, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

- Các nguyên tắc trích lập và sử dụng Quỹ đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 22. Nguồn trích lập các Quỹ

Hàng năm khi kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), Trung tâm được sử dụng theo quy định tại Điều 14, Điều 18 và Khoản 2, Điều 22, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Trường hợp các khoản thuộc ngân sách giao nhiệm vụ thì kết thúc năm ngân sách, trước ngày 31 tháng 01 năm sau, đơn vị xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi và được đơn vị phân phối như sau:

- Nguồn cải cách tiền lương: 40%.

Còn lại 60% quy thành 100% để trích lập các quỹ:

- Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp: 15%.

Còn lại 85% quy thành 100% để tiếp tục trích lập các quỹ sau:

- Quỹ Khen thưởng: 05%.

- Quỹ Phúc lợi: 40%.

- Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập: 02%.

- Quỹ Bổ sung thu nhập: 53%.

Lưu ý:

- Chi bổ sung thu nhập nếu đã tạm chi trước thu nhập tăng thêm của đơn vị vượt quá số chi theo quy định, số chi vượt phải trừ vào tiết kiệm trong năm của đơn vị; nếu vẫn còn thiếu thì trừ tiết kiệm của năm sau hoặc trừ vào Quỹ tiền lương năm sau của đơn vị. Trường hợp số đã tạm chi thấp hơn số được trích lập Quỹ bổ sung thu nhập theo quy định, đơn vị chi trả tiếp thu nhập tăng thêm cho người lao động hoặc để dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Sau khi quyết toán năm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp số được chi bổ sung thu nhập theo quy định có thay đổi (tăng hoặc giảm) so với số đơn vị xác định khi kết thúc năm ngân sách, đơn vị có trách nhiệm điều chỉnh lại số đã chi bổ sung thu nhập, tương tự như khi kết thúc năm ngân sách nêu trên và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Việc sử dụng các Quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 14, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Mức trích cụ thể và quy trình sử dụng các Quỹ do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công quyết định

theo quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp quy định pháp luật liên quan và phải công khai trong đơn vị.

Điều 23. Quy định chi từ Quỹ Khen thưởng

Quỹ Khen thưởng: Để thưởng cuối năm, thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công quyết định và được ghi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị

1. Căn cứ vào Quyết định khen thưởng hàng năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư; chi khen thưởng từ nguồn tiết kiệm theo các mức sau:

- Cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được chi: 1,0 mức lương tối thiểu.
- Cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được chi: 0,5 mức lương tối thiểu.

2. Căn cứ vào Quyết định khen thưởng của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp; chi khen thưởng từ nguồn tiết kiệm theo mức sau:

- Cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất được chi: 1,0 mức lương tối thiểu.

3. Căn cứ vào Quyết định công nhận danh hiệu thi đua hàng năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư; mức chi cho tập thể, cá nhân đạt danh hiệu theo các mức sau:

- Tập thể Lao động xuất sắc (Trung tâm): 1,5 x mức lương tối thiểu.
- Tập thể Lao động tiên tiến (Trung tâm): 0,8 x mức lương tối thiểu.
- Cá nhân Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 1,0 x mức lương tối thiểu.
- Cá nhân Lao động tiên tiến: 0,3 x mức lương tối thiểu.

4. Chi khen thưởng là những khoản chi nhằm động viên cho viên chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các mức chi căn cứ Nghị định số 91/2017 ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 24. Quy định chi từ Quỹ Phúc lợi

Quỹ Phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của đơn vị; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của viên chức, người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho viên chức, người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, hoàn cảnh khó khăn; chi thêm cho viên chức, người lao động thực hiện tình nguyện biên chế; chi hỗ trợ hoạt động xã hội, từ thiện,...

1. Chi mừng đám cưới viên chức, người lao động trong đơn vị: 1.000.000 đồng/lần (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

2. Chi viếng đám tang người thân của viên chức, người lao động (Cha, mẹ ruột; Cha mẹ vợ/chồng; Vợ/chồng; Con ruột): 1.000.000 đồng/lần (tiền điếu) và kèm theo tràng hoa 1.000.000 đồng/lần.

Các trường hợp đám tang khác (tiền điếu, tràng hoa): 1.000.000 đồng/trường hợp do Ban Giám đốc Trung tâm quyết định.

3. Chi thăm bệnh viên chức, người lao động bệnh nặng hoặc nằm viện: 1.000.000 đồng/lần. Nếu thăm bệnh viên chức, người lao động có phẫu thuật: 2.000.000 đồng/lần (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

4. Chi thăm viên chức, người lao động (hoặc vợ) nghỉ chế độ thai sản: 1.000.000 đồng/lần (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

5. Chi trợ cấp đột xuất đối với viên chức, người lao động Trung tâm khi gặp tai nạn, thiên tai đột xuất: 2.000.000 đồng/lần (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

6. Chi hỗ trợ khám chữa bệnh định kỳ cho viên chức, người lao động: 1.000.000 đồng/người/năm (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

7. Chi cho viên chức, người lao động vào các ngày: Lễ 30/4; Lễ 01/5; Lễ 02/9; Giỗ Tổ Hùng Vương; Thành lập Trung tâm 31/7, mức chi 500.000 đồng/người/lần. Riêng Tết Dương lịch; Tết Nguyên đán, mức chi 1.000.000 đồng/người/lần (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

8. Chi liên hoan vào các ngày: Lễ 30/4; Lễ 01/5; Lễ 02/9; Giỗ Tổ Hùng Vương; Thành lập Trung tâm 31/7; Tết Dương lịch; Tết Nguyên đán, mức chi 200.000 đồng/người/lần.

9. Chi cho viên chức, người lao động nữ các Ngày 08/3 và 20/10: 500.000 đồng/người/lần (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

10. Chi hỗ trợ tiền tham quan nghỉ mát cho viên chức, người lao động: 1.000.000 đồng/người/năm. (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

11. Chi thăm hỏi viên chức, người lao động là thương binh; Cha mẹ viên chức, người lao động là thương binh, liệt sĩ nhân ngày 27/7, mức chi 500.000 đồng/gia đình (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

12. Chi mua quà cho viên chức Trung tâm nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc chuyển công tác ngoài cơ quan, đơn vị: 1.000.000 đồng/người/lần.

13. Chi tổ chức ngày tết Trung thu cho viên chức, người lao động: 400.000 đồng/người; Trẻ em (từ 15 tuổi trở xuống) là con viên chức, người lao động: 100.000 đồng/em. (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

14. Chi ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6 cho trẻ em (từ 15 tuổi trở xuống) là con viên chức, người lao động: 200.000 đồng/em (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

15. Chi mừng sinh nhật viên chức, người lao động: 500.000 đồng/người/lần (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

16. Chi nước uống cho tập thể (chi theo hóa đơn thực tế).

17. Chi hỗ trợ trang bị đồng phục: 1.000.000 đồng/người/lần (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

18. Chi viên chức, người lao động được phân công trực cơ quan, đơn vị vào các ngày Lễ, tết trong năm hoặc đột xuất theo chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên: 100.000 đồng/người/lần.

19. Chi viên chức, người lao động được phân công tham gia tập huấn quân sự, tập huấn phòng cháy, chữa cháy: 40.000 đồng/người/ngày. Chi viên chức tham gia tập huấn Kiến thức Quốc phòng an ninh: Thanh toán theo hồ sơ của đơn vị tổ

chức tập huấn.

20. Chi trợ cấp cho viên chức có mức lương cơ bản từ 2,67 trở xuống: Định mức chi 1,0 lần lương tối thiểu/người/năm.

21. Chi thuê ngoài vệ sinh Trung tâm vào ngày thứ bảy và chủ nhật: Mức chi 500.000 đồng/tháng.

22. Viên chức, người lao động nghỉ thai sản hoặc đi học đại học, học sau đại học không tham gia công việc của đơn vị, thì vẫn được hưởng các khoản chi phúc lợi trong thời gian nghỉ thai sản hoặc đi học. Viên chức, người lao động chuyển công tác hoặc nghỉ việc thì vẫn được hưởng các khoản chi phúc lợi trong thời gian làm việc thực tế tại đơn vị.

23. Trong năm, nếu kinh phí tiết kiệm không đủ chi các khoản phúc lợi nêu trên, Giám đốc Trung tâm quyết định chi các khoản cần thiết trước.

Điều 25. Quy định chi từ Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập

1. Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập: Để dự phòng chi bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm.

2. Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập dùng để điều tiết ổn định thu nhập của viên chức, người lao động và đảm bảo nguồn chi hoạt động của đơn vị trong trường hợp đột xuất như thu nhập tăng thêm bị giảm sút, giá cả thị trường biến động làm ảnh hưởng đến đời sống của viên chức, người lao động.

Điều 26. Quy định chi từ Quỹ Bổ sung thu nhập (Chi lương tăng thêm)

Quỹ Bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động trong năm. Việc chi bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công việc.

1. Chi tạm ứng thu nhập tăng thêm hàng tháng

- Chi tạm ứng thu nhập tăng thêm hàng tháng: 1.000.000 đồng/người/tháng (Chứng từ quyết toán là danh sách ký nhận tiền).

2. Chi thu nhập tăng thêm cuối năm

- Tổng Quỹ Bổ sung thu nhập trong năm được xác định bằng số chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm trừ đi phần trích lập các Quỹ theo quy định nhưng không quá 02 lần tổng quỹ tiền lương và phụ cấp chức vụ, trách nhiệm trong năm. Quỹ Bổ sung thu nhập được chi theo tính hiệu quả công việc của từng thành viên được đánh giá thông qua quy trình: (i) Cá nhân tự đề xuất, (ii) Tập thể đánh giá, (iii) Lãnh đạo duyệt.

3. Các quy định khác

- Cuối năm, sau khi quyết toán tài chính và quyết toán thuế, trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp, nếu còn thừa thu nhập thì sẽ được chi tiếp cho viên chức, người lao động.

- Viên chức, người lao động do đơn vị cử đi học các khóa đào tạo về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ,... được hưởng thu nhập tăng thêm đúng theo quy định.

- Các đối tượng ký Hợp đồng lao động theo vụ việc nhất định, hợp đồng thời vụ theo tháng thì được trả lương thỏa thuận theo hợp đồng, không áp dụng chi trả thu nhập tăng thêm.

- Viên chức, người lao động nghỉ thai sản, được hưởng 50% thu nhập tăng thêm trong thời gian nghỉ thai sản.

- Viên chức, người lao động đi học đại học, học sau đại học không tham gia công việc của đơn vị trong giờ hành chính, thì không được hưởng thu nhập lương tăng thêm trong thời gian đi học.

- Viên chức, người lao động chuyển công tác hoặc nghỉ việc thì hưởng thu nhập lương tăng thêm trong thời gian làm việc thực tế tại đơn vị.

Điều 27. Quy định chi từ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho viên chức, người lao động trong đơn vị; mua bản quyền tác phẩm, chương trình; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có).

2. Giám đốc Trung tâm quyết định các khoản chi tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, tọa đàm chuyên môn, đào tạo ngắn hạn,... tại đơn vị hoặc học phí của viên chức, người lao động do Trung tâm cử đi học theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị trên cơ sở các định mức chi tiêu nội bộ và quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp dùng để đầu tư, phát triển nâng cao các mặt hoạt động của Trung tâm; bổ sung vốn mua sắm máy móc trang thiết bị, sửa chữa nhà, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, thuê chuyên gia.

4. Do yêu cầu công việc mà đơn vị cử người đi học các khóa đào tạo ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ thì được thanh toán theo phiếu thu thực tế của cơ sở đào tạo. Việc sử dụng Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp vào các mục đích trên do Giám đốc Trung tâm quyết định theo quy định của pháp luật.

Chương IV

LẬP VÀ CHẤP HÀNH DỰ TOÁN THU CHI QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH

Điều 28. Lập, chấp hành dự toán và sử dụng nguồn tài chính

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán năm, dựa vào nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, kết quả hoạt động sự nghiệp, tình hình thu chi tài chính của năm trước đơn vị tiến hành lập dự toán thu chi năm kế hoạch, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở sử dụng nguồn tài chính có hiệu quả và đúng mục đích. Tất cả các nội dung công việc đề xuất và thanh toán quyết thực hiện các nội dung công việc mà phòng

nghiệp vụ, đào tạo lập chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, nội dung và số liệu.

Điều 29. Thực hiện chế độ báo cáo

1. Thực hiện theo quy định tại Luật Kế toán 88/2015/QH13; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách lập đúng mẫu biểu quy định, phản ánh đầy đủ các chi tiết đã quy định, lập đúng kỳ hạn theo kỳ kế toán: Quý, năm nộp đúng thời gian và đầy đủ báo cáo tới từng nơi nhận báo cáo.

3. Báo cáo quyết toán trung thực khách quan, đầy đủ, kịp thời, phản ánh đúng tình hình tài sản, thu chi và sử dụng các nguồn kinh phí của đơn vị.

Điều 30. Quy định xử lý vi phạm và giải quyết các trường hợp đặc biệt khi thực hiện vượt mức khoán quy định

Trường hợp Quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị xây dựng vượt quá chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm yêu cầu đơn vị ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh lại cho phù hợp.

Phòng Hành chính có trách nhiệm kiểm soát mức chi đảm bảo theo Quy chế. Trong trường hợp sử dụng vượt mức khoán so với định mức quy định trong quy chế này, các cá nhân đã nhận khoán phải có trách nhiệm hoàn trả lại số kinh phí chi vượt.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Quy chế này được trao đổi, thống nhất và công khai đến toàn thể viên chức, người lao động của Trung tâm. Phòng Hành chính chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, định kỳ báo cáo Ban Giám đốc Trung tâm theo quy định.

Tất cả các nội dung công việc đề xuất và thanh, quyết toán việc thực hiện các nội dung công việc mà phòng Nghiệp vụ lập (trong đó có lĩnh vực đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng), phòng Nghiệp vụ chịu trách nhiệm về tính chính xác về thông tin, nội dung và số liệu.

Điều 32. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có điểm chưa phù hợp, sẽ được điều chỉnh, bổ sung khi Nhà nước thay đổi chính sách tiền lương, thay đổi các chính sách khác làm thay đổi mức chi hoặc mức tiết kiệm chi; Phòng Hành chính, phòng Nghiệp vụ tham mưu đề xuất Giám đốc Trung tâm ban hành quyết định thay đổi Quy chế.

Điều 33. Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho niên độ tài chính năm 2022./.